

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa và Bà Đoàn Thị Thái.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021,

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: chị Ngô Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Hùng M, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Hùng M thuận tình ly hôn.**

Giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 20/11/2009, quyền số 01/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành Quyết định.

2.2. Về quan hệ con chung: Chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Hùng M có 02 con chung là Nguyễn Hùng Tr, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2010 và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2013. Sau khi ly hôn, giao cả hai con chung cho chị Năm trực tiếp nuôi dưỡng; anh Mạnh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hùng M có quyền qua lại thăm con; chị Ngô Thị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh M có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Nếu anh M lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh M.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh M thỏa thuận tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: chị Ngô Thị N chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002358 ngày 16 tháng 8 năm 2021. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
- Lưu hồ sơ vụ án

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phan Anh Đức**

**Nơi nhận:**

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng  
dấu)*